

Số: /TTr-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH
Dự án Luật Thư viện

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 57/2018/QH14 ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018 và Quyết định số 792/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018, các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã triển khai xây dựng dự án Luật Thư viện.

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Chính phủ dự án Luật Thư viện như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT THƯ VIỆN

Pháp lệnh Thư viện được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 28 tháng 12 năm 2000, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2001 (sau đây gọi là Pháp lệnh) đã mở ra một thời kỳ phát triển mới của sự nghiệp thư viện Việt Nam. Để triển khai thi hành Pháp lệnh, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật¹; các địa phương đã chủ động hướng dẫn triển khai Pháp lệnh trên địa bàn tạo khuôn khổ pháp lý giúp sự nghiệp thư viện phát triển, khẳng định vị thế, góp phần nâng cao dân trí và có nhiều tác động tích cực đối với kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước, thể hiện ở những điểm cơ bản như:

Thứ nhất, Pháp lệnh đã thể chế hóa quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước về phát triển văn hóa nói chung, thư viện nói riêng. Sau gần 18 năm triển khai Pháp lệnh, thư viện Việt Nam đã có những bước tiến đáng khích lệ, mạng lưới thư viện công lập đã được thiết lập, phát triển vượt bậc cả về số lượng và chất lượng với hơn 31.014 thư viện và 20.813 tủ sách cơ sở², mạng lưới thư viện công lập góp phần đắc lực vào việc nâng cao dân trí, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho đất nước.

¹. 02 Nghị định, 30 văn bản quy phạm pháp luật và nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện.

². Hệ thống thư viện công cộng (với Thư viện Quốc gia Việt Nam, 63 thư viện tỉnh/thành, 663 thư viện cấp huyện; 3.257 thư viện cấp xã và 16.257 phòng đọc, tủ sách cơ sở) và hệ thống thư viện đa ngành, chuyên ngành (với gần 400 thư viện các trường đại học, tương đương, khoảng 26.000 thư viện các trường phổ thông các cấp; trên 100 thư viện chuyên ngành, thư viện các cơ quan nhà nước, thư viện lực lượng vũ trang nhân dân với 110 thư viện, 529 phòng đọc, 3.027 tủ sách của lực lượng công an và 421 thư viện, khoảng 1.000 phòng đọc sách Hồ Chí Minh trong hệ thống thư viện quân đội).

Thứ hai, Pháp lệnh đã tạo ra sự chuyển biến quan trọng trong nhận thức về quản lý và phát triển thư viện. Từ chỗ chỉ được coi là nơi giữ gìn di sản thư tịch của dân tộc, thu thập, tàng trữ, tổ chức khai thác và sử dụng vốn tài liệu, cung cấp thông tin, đến nay thư viện đã trở thành nơi sinh hoạt văn hóa, không gian học tập sáng tạo của cộng đồng, một thiết chế văn hóa, khoa học, giáo dục ngoài nhà trường không thể thiếu trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, góp phần nâng cao dân trí, cung cấp thông tin, tri thức của người dân tại địa phương, triển khai các hoạt động phục vụ nhu cầu học tập của mọi tầng lớp nhân dân, góp phần xây dựng xã hội học tập và xây dựng nông thôn mới. Bên cạnh đó, công tác xã hội hóa bước đầu thu hút các nguồn lực trong nhân dân, phong trào xây dựng không gian đọc, tủ sách cộng đồng, tủ sách lớp học, tủ sách phụ huynh đã và đang thu hút, nhận được sự quan tâm của xã hội

Thứ ba, Pháp lệnh đã bước đầu giúp thư viện Việt Nam từng bước hội nhập quốc tế. Thư viện Việt Nam đã tham gia và là thành viên của các tổ chức nghề nghiệp quốc tế về thư viện như: Liên đoàn các hội và cơ quan thư viện quốc tế (IFLA), Hiệp hội Thư viện các nước ASEAN (CONSAL), tiếp cận với kỹ thuật tiên tiến, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ thư viện và thúc đẩy giao lưu, hợp tác, chia sẻ tài liệu, tư liệu, tri thức.

Tuy nhiên, sau gần 18 năm thi hành, Pháp lệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành đã bộc lộ nhiều bất cập với hệ thống pháp luật và thực tiễn đời sống xã hội, đòi hỏi cần có Luật Thư viện để điều chỉnh; thực tiễn thi hành Pháp lệnh trong những năm gần đây đã có nhiều thay đổi đáng kể, đặt ra yêu cầu hành lang pháp lý phải tiếp tục hoàn thiện hơn; cụ thể như sau:

Một là, thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đảm bảo tương thích với hệ thống pháp luật hiện hành.

Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập đã đặt ra mục tiêu mới, nhiệm vụ mới về “hoàn thiện thể chế và các cơ chế, chính sách”³ và đổi mới phương thức, tổ chức, hoạt động của thư viện.

Năm 2013, Quốc hội thông qua Hiến pháp mới, nhiều quy định về quyền công dân, quyền con người được bổ sung, trong đó phải kể đến: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định” (Điều 25), “Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập” (Điều 39) và “Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa” (Điều 41). Vì vậy, Luật Thư viện phải cập nhật, sửa đổi các nội dung nhằm

³. Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014.

đảm bảo phát triển sự nghiệp thư viện, góp phần để công dân có đủ điều kiện thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, đảm bảo cho người dân được tiếp cận các giá trị văn hóa thành văn của dân tộc và nhân loại, thực hiện việc học tập suốt đời để làm cho cuộc sống của mình tốt đẹp hơn.

Sau khi Pháp lệnh được ban hành, đặc biệt là sau khi Hiến pháp mới được thông qua, nhiều đạo luật quan trọng đã được Quốc hội đã ban hành, sửa đổi, bổ sung tác động đến hoạt động thư viện và quản lý nhà nước về thư viện như: Luật Sở hữu trí tuệ (năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009), Luật Công nghệ thông tin (2006), Luật Di sản văn hóa (năm 2001, sửa đổi, bổ sung năm 2009), Luật Xuất bản (2012), Luật Giáo dục đại học (2012), Luật Khoa học và công nghệ (2013), Luật Ngân sách nhà nước (2015), Luật Tiếp cận thông tin (2016), Luật Báo chí (2016), Luật Quản lý và sử dụng tài sản công (2017), Luật An ninh mạng (2018) và các quy định về tự chủ của đơn vị sự nghiệp⁴...

Mặt khác việc triển khai các đề án, chiến lược xây dựng xã hội học tập, phát triển văn hóa đọc dẫn đến nhu cầu đọc trong người dân ngày càng cao, đặc biệt chất lượng nguồn thông tin, tư liệu cần tiếp cận của người dân cũng tăng nên các thiết chế thư viện cần được củng cố để tạo môi trường học tập ngoài nhà trường cho người dân, thực hiện tốt vai trò là trung tâm thông tin, văn hóa, giáo dục hữu ích đảm bảo quyền tiếp cận thông tin, tri thức của người dân, góp phần nâng cao dân trí, “phát triển giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp”, “hoàn thiện nhân cách con người Việt Nam” phục vụ phát triển bền vững đất nước trong thời kỳ mới⁵.

Sự phát triển, thay đổi của hệ thống pháp luật Việt Nam cùng với quá trình hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ đã làm nhiều quy định của Pháp lệnh (chính sách phát triển thư viện, quy hoạch, hoạt động thư viện...) không còn phù hợp và thiếu tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, đặt ra yêu cầu cần nghiên cứu, sửa đổi toàn diện.

Hai là, mở rộng phạm vi điều chỉnh các quan hệ mới phát sinh trong hoạt động thư viện, ban hành những quy định mới thay thế các quy định đã bộc lộ những bất cập, kìm hãm sự phát triển sự nghiệp thư viện; nổi bật:

- Pháp lệnh chưa điều chỉnh toàn diện hoạt động thư viện, nhiều hoạt động phát sinh trong thực tiễn chưa có quy định điều chỉnh như: quy định về hệ thống thư viện ngoài công lập (thư viện của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, doanh nghiệp tư nhân, các cơ sở giáo dục ngoài công lập, thư viện tư nhân, phòng đọc, tủ sách ở cộng đồng dân cư, tủ sách gia đình, tủ sách dòng họ, tủ sách lớp học, thư viện có yếu tố nước ngoài), thư viện số; các quy định về thủ tục thành lập, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện chưa hoàn chỉnh.

⁴. Luật Tiếp cận thông tin quy định “mọi công dân đều bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin” và “việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin phải do luật định trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng” (Điều 3). Vì vậy, việc quy định về tài liệu được lưu trữ trong thư viện, đối tượng phục vụ, phương thức hoạt động và quy chế của các thư viện cần phải thay đổi để đảm bảo thực hiện tốt nguyên tắc này góp phần đảm bảo quyền con người về tiếp cận, truy cập thông tin và tri thức.

⁵. Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014.

Một số nội dung quan trọng về quản lý, tổ chức hoạt động thư viện... quy định tản mạn ở nhiều văn bản dưới Pháp lệnh dẫn tới hiệu lực thi hành không cao⁶. Một số lĩnh vực tương đồng như xuất bản, bảo tàng, điện ảnh... đã có Luật điều chỉnh dẫn tới sự tương thích và hiệu lực thi hành của Pháp lệnh bị hạn chế, không thực thi được⁷.

- Một số nội dung quy định chưa cụ thể hoặc thiếu tính khả thi, gây khó khăn cho quá trình áp dụng pháp luật, triển khai trên thực tế:

Quy định về chính sách phát triển thư viện chưa cụ thể, thiếu tính khả thi, khó triển khai trên thực tế dẫn đến sự đầu tư của Nhà nước chưa đáp ứng được với yêu cầu phát triển, chính sách xã hội hóa không thu hút được tổ chức, cá nhân thành lập thư viện và tham gia đóng góp hoạt động thư viện. Quy định về “ưu tiên giải quyết đất xây dựng thư viện” trên thực tế không chỉ khó đối với thư viện tư nhân mà chính các thư viện công lập cũng chưa được thực hiện (nhiều thư viện công lập bị lấy lại trụ sở, chuyển đến nơi xa trung tâm).

Việc xếp hạng thư viện chỉ áp dụng đối với hệ thống thư viện công cộng và dựa trên tiêu chí hành chính mang tính cố định đã triệt tiêu động lực phấn đấu, kìm hãm sự phát triển của thư viện.

Các quy định về chuyên môn, nghiệp vụ đề cập khái quát trong Pháp lệnh được hướng dẫn tại Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nên hiệu lực chưa cao.

Thư viện là thiết chế đặc thù đòi hỏi người trực tiếp quản lý, người làm thư viện phải có trình độ chuyên môn mới thực hiện được đầy đủ chức trách của mình, nhưng Pháp lệnh và các văn bản chưa quy định cụ thể về tiêu chuẩn đối với lãnh đạo, người làm thư viện, dẫn tới việc bố trí cán bộ không phù hợp; chính sách đối với đội ngũ làm công tác thư viện còn nhiều bất cập.

Một số nội dung về thẩm quyền, thủ tục hành chính chưa phù hợp với chủ trương cải cách hành chính hiện nay⁸; việc thực hiện quy định việc các Bộ, ngành phối hợp với Bộ Văn hóa-Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) trong quản lý về thư viện trên thực tiễn chưa đạt hiệu quả như mong muốn đặc biệt: giữa ngành xuất bản với thư viện, hệ thống thư viện trong cơ sở giáo dục với hệ thống thư viện công cộng...

Ba là, sự phát triển của khoa học công nghệ, đặc biệt là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0) đã và đang tác động lớn đến hoạt động thư viện. Thư viện số đang trở thành xu hướng phát triển mạnh và bền vững trong tương lai. Pháp lệnh mới chỉ đề cập đến thư viện theo phương thức truyền thống,

⁶. Quy hoạch phát triển ngành thư viện đang thực hiện theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BVHTT ngày 04 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa-Thông tin; vấn đề tư nhân tham gia các hoạt động về bảo tàng, di sản văn hóa, điện ảnh... đều được quy định trong luật, nhưng thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng mới được quy định và đang thực hiện theo Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ nên hiệu lực còn hạn chế; việc phân loại và xếp hạng thư viện thực hiện theo quy định tại Thông tư số 67/2006/TT-BVHTT ngày 10 tháng 8 năm 2006 của Bộ Văn hóa-Thông tin; điều kiện thành lập thư viện và thủ tục đăng ký hoạt động thư viện thực hiện theo quy định tại Thông tư số 56/2003/TT-BVHTT ngày 16 tháng 9 năm 2003 của Bộ Văn hóa- Thông tin...

⁷. Vấn đề giao, nộp xuất bản phẩm giữa ngành xuất bản và văn hóa ở địa phương cho thư viện công cộng cấp tỉnh nhiều nơi không thực hiện được do qua nhiều cơ quan trung gian khi tách ngành văn hóa và thông tin.

⁸. Điều 11. Thư viện Quốc gia Việt Nam và thư viện của các tổ chức cấp trung ương đăng ký hoạt động với Bộ Văn hóa-Thông tin.

thư viện sách, báo in. Trong thời gian qua, khoa học công nghệ thâm nhập vào toàn bộ quá trình vận hành thư viện, việc tạo lập và phát triển bộ sưu tập số, số hóa tài liệu, hệ thống cơ sở dữ liệu số, sử dụng phần mềm quản trị thư viện tích hợp, phần mềm mã nguồn mở đã được triển khai tại nhiều thư viện ở Việt Nam dẫn đến nền công nghiệp nội dung đang từng bước hình thành. Việc hình thành các hệ thống siêu dữ liệu cho phép tra cứu và khai thác một nguồn lực thông tin dữ liệu không giới hạn nhanh và chính xác mọi lúc, mọi nơi. Công nghệ thông tin và truyền thông đang làm thay đổi phương thức quản lý của Nhà nước, vận hành của các thư viện và thói quen tra cứu, sử dụng thư viện của người sử dụng.

Để khắc phục những vấn đề bất cập nêu trên, mở rộng điều chỉnh đối với những vấn đề mới phát sinh làm cơ sở để hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, tăng cường pháp chế về thư viện, việc triển khai dự án Luật Thư viện là cần thiết và cấp bách, nhờ đó hệ thống khung pháp lý mới sẽ được thiết lập đảm bảo tính đồng bộ, góp phần nâng cao năng lực phục vụ của thư viện trong kỷ nguyên số.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT THƯ VIỆN

1. Mục đích

Luật Thư viện được ban hành sẽ góp phần tạo hành lang pháp lý, điều kiện phát triển sự nghiệp thư viện; thiết lập cơ chế pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động thư viện; nâng cao nhận thức, hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về thư viện, tạo cơ sở pháp lý nâng cao khả năng, phát huy đầy đủ các chức năng của thư viện trong bảo vệ quyền tiếp cận thông tin, lợi ích hưởng thụ văn hóa cơ bản và học tập suốt đời của công dân, nâng cao trình độ văn minh xã hội và nâng cao tổ chức khoa học, văn hóa cho công dân, truyền bá tri thức nhân loại, giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc.

Việc xây dựng Luật Thư viện nhằm đảm bảo tính minh bạch và khả thi, đáp ứng yêu cầu, hiệu quả thi hành Hiến pháp năm 2013; đồng bộ với các bộ luật, luật mới được ban hành.

2. Quan điểm xây dựng Luật Thư viện

Thứ nhất, việc xây dựng Luật thư viện góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật theo chủ trương của Đảng và Nhà nước. Nội dung Luật Thư viện phải phù hợp và cụ thể hóa quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định về dân chủ, quyền con người, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân trong lĩnh vực văn hoá, kinh tế, xã hội... quy định tại Hiến pháp năm 2013 và đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các đạo luật liên quan; phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội của Việt Nam thể hiện sự tương quan với sự phát triển của nền kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của đất nước.

Thứ hai, Luật Thư viện phải được xây dựng trên cơ sở luận cứ khoa học và tổng kết thực tiễn thi hành; tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của một số nước trong khu vực và trên thế giới, vận dụng phù hợp với những thông lệ và các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia; kế thừa, nâng tầm và phát triển

các quy định còn phù hợp của Pháp lệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành đã được kiểm nghiệm qua thực tiễn. Các quy định phải đầy đủ, cụ thể, dễ hiểu, rõ ràng, minh bạch, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện, tránh tình trạng có quá nhiều văn bản hướng dẫn thi hành.

Thứ ba, Luật Thư viện khẳng định vai trò của thư viện đối với sự phát triển văn hóa, con người Việt Nam, góp phần nâng cao dân trí, phục vụ phát triển bền vững đất nước; đa dạng hóa các loại hình thư viện, đẩy mạnh xã hội hóa để phát huy các nguồn lực, vốn tài liệu, tạo điều kiện cho người dân có thêm cơ hội tiếp cận thông tin, tri thức; mở rộng chức năng và hoạt động của thư viện nhằm tăng cường năng lực cung ứng dịch vụ công song hành với tăng cường tính tự chủ của thư viện; bảo đảm công khai, minh bạch quyền hạn và trách nhiệm các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý và sử dụng nguồn thông tin cũng như những tài sản liên quan đến thư viện; phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan ở Trung ương và chính quyền các cấp ở địa phương; xây dựng các chuẩn chung, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để đảm bảo liên thông, liên kết, đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong hoạt động thư viện.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT THƯ VIỆN

1. Thực hiện nhiệm vụ triển khai dự án Luật Thư viện, ngày 30 tháng 7 năm 2018 Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quyết định số 2786/QĐ-BVHTTDL thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập dự án Luật Thư viện.

Ban soạn thảo đã nghiên cứu, xem xét một cách khách quan, toàn diện các vấn đề lớn liên quan đến mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, định hướng cơ bản, các chính sách đã được đánh giá tác động trong đề xuất xây dựng Luật Thư viện để xây dựng dự án Luật Thư viện. Ban soạn thảo và Tổ biên tập đã họp, thảo luận, cho ý kiến về những vấn đề này và nội dung dự thảo Luật Thư viện.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức nhiều cuộc tọa đàm, hội thảo khoa học lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, chuyên gia về thông tin thư viện, chuyên gia về pháp luật ở trong nước, nước ngoài về mục tiêu, quan điểm và những định hướng lớn trong Luật Thư viện.

3. Tổ chức khảo sát một số địa phương trong nước và nước ngoài, nghiên cứu, biên dịch tài liệu quốc tế liên quan đến pháp luật thư viện của một số nước, nhất là các nước có điều kiện kinh tế - xã hội và trình độ phát triển tương đồng với Việt Nam.

4. Dự thảo Luật Thư viện đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để lấy ý kiến của nhân dân, gửi xin ý kiến bằng văn bản của các bộ, ngành, tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, các đối tượng chịu sự tác động, người sử dụng thư viện.

Ngày.... tháng... năm 2018, hồ sơ dự án Luật Thư viện đã được gửi Bộ Tư pháp để thẩm định. Ngày... tháng... năm 2018, Bộ Tư pháp đã có văn bản số..... về việc thẩm định hồ sơ dự án Luật Thư viện.

5. Dự thảo Luật Thư viện đã được hoàn thiện trên cơ sở tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT THƯ VIỆN

1. Bố cục

Dự thảo Luật Thư viện có 6 Chương, 50 Điều. Cụ thể:

Chương I. Quy định chung

Từ Điều 1 đến Điều 7 quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, chính sách của nhà nước về phát triển thư viện, nguyên tắc hoạt động thư viện, nguồn tài chính để hoạt động thư viện, các hành vi bị cấm.

Chương II. Tổ chức và quản lý thư viện

Từ Điều 8 đến Điều 18 quy định mạng lưới thư viện; điều kiện thành lập thư viện, điều kiện hoạt động; đăng ký hoạt động thư viện; thông báo hoạt động thư viện; chia tách, sáp nhập, giải thể thư viện; đánh giá hiệu quả hoạt động thư viện; xếp hạng thư viện; đình chỉ hoạt động có thời hạn và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của thư viện; cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thư viện.

Chương III. Hoạt động thư viện

Từ Điều 19 đến Điều 31, quy định về vai trò của hoạt động thư viện, xây dựng vốn tài liệu và tiện ích thư viện; tổ chức kho và bảo quản vốn tài liệu trong thư viện; xử lý thông tin và tổ chức bộ máy tra cứu; ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động thư viện; sản phẩm và dịch vụ thông tin thư viện; xây dựng thư viện số và dịch vụ thư viện số; quảng bá sản phẩm và dịch vụ thông tin thư viện; đào tạo, hướng dẫn người sử dụng thư viện; liên thông thư viện; vận động, thu hút và tiếp nhận tài trợ cho thư viện; hoạt động phối hợp giữa thư viện với các cơ quan, tổ chức thông tin khoa học, lưu trữ và các cơ quan khác; hợp tác quốc tế về thư viện.

Chương IV. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động thư viện

Từ Điều 32 đến điều 42 quy định về quyền và trách nhiệm của thư viện; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thành lập và trực tiếp quản lý thư viện; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan đối với thư viện; quyền và trách nhiệm của người làm thư viện; quyền và trách nhiệm của người sử dụng thư viện; quyền sử dụng thư viện của một số đối tượng đặc biệt.

Chương V. Quản lý nhà nước về thư viện

Từ Điều 43 đến Điều 47, quy định về nội dung quản lý nhà nước về thư viện, trách nhiệm của Chính phủ, trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du

lich, của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp.

Chương VI. Điều khoản thi hành

Từ Điều 48 đến Điều 50 quy định về điều khoản chuyên tiếp, hiệu lực thi hành, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.

2. Những nội dung sửa đổi, bổ sung cơ bản của dự thảo Luật Thư viện so với Pháp lệnh

Với mục đích và các quan điểm đã nêu trên, Dự thảo Luật Thư viện (sau đây gọi là Dự thảo) đã được xây dựng mới trên cơ sở kế thừa Pháp lệnh. Dự thảo sửa đổi, bổ sung 15 điều, quy định mới 26 điều và kế thừa có chỉnh lý 09 điều so với Pháp lệnh.

a) Về quy định chung (Chương I)

- Dự thảo mở rộng phạm vi điều chỉnh, bổ sung đối tượng áp dụng: ngoài cơ quan, tổ chức công lập, mở rộng và quy định quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài không chỉ trong việc sử dụng vốn tài liệu thư viện, tham gia các hoạt động do thư viện tổ chức mà mở rộng đến việc tham gia xây dựng và phát triển sự nghiệp thư viện.

- Dự thảo sửa đổi 01 thuật ngữ⁹, bổ sung 05 thuật ngữ mới gắn với thư viện hiện đại¹⁰, lược bỏ 02 thuật ngữ không sử dụng hoặc trong quá trình thi hành Luật những từ ngữ này được đa số chủ thể hiểu thống nhất, không sai lệch¹¹ (Điều 3).

- Dự thảo kế thừa các chính sách ưu việt của Nhà nước về phát triển thư viện trong Pháp lệnh; sửa đổi, bổ sung và sắp xếp lại các quy định theo hướng: cụ thể, đảm bảo khả thi, tương thích với quy định của Luật Đầu tư năm 2014 và các luật chuyên ngành khác, đồng thời đảm bảo chính sách đẩy mạnh khuyến khích xã hội hóa (Điều 4).

- Dự thảo bổ sung nguyên tắc xuyên suốt trong các hoạt động của thư viện như: lấy người sử dụng thư viện làm trung tâm, thực hiện chuẩn hóa, tuân thủ quy định về sở hữu trí tuệ... làm cơ sở đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và thực hiện liên thông thư viện (Điều 5).

- Dự thảo kế thừa quy định các hành vi bị cấm, bổ sung một số hành vi khi triển khai xây dựng thư viện số để ngăn ngừa, răn đe và có cơ sở xử lý các hành vi vi phạm (Điều 7).

b) Về tổ chức và quản lý thư viện (Chương II)

- Dự thảo đa dạng hóa các loại hình thư viện nhằm tiếp tục thực hiện chính sách đẩy mạnh xã hội hóa để phát huy các nguồn lực, vốn tài liệu tạo điều kiện cho người dân có thêm cơ hội tiếp cận thông tin, tri thức. Dự thảo bổ sung: thư viện ngoài công lập bao gồm: thư viện của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp, tổ chức kinh tế tư nhân, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng, thư viện có yếu tố

⁹ Tài liệu.

¹⁰ Tài liệu truy cập mở, thư viện số, tiện ích thư viện, dịch vụ thông tin thư viện, liên thông thư viện.

¹¹ Di sản thư tịch, vốn tài liệu.

nước ngoài, ghi nhận các mô hình thư viện, tủ sách, phòng đọc sách ở cộng đồng dân cư, tủ sách gia đình, tủ sách dòng họ có phục vụ cộng đồng (*Điều 8*) (sau đây gọi là thư viện cơ sở) vào mạng lưới thư viện Việt Nam nhằm phát huy thế mạnh của các thư viện có tiềm năng, góp phần phát triển mạng lưới tại cơ sở, giảm gánh nặng đầu tư của Nhà nước.

- Thư viện số được xác định như một xu thế phát triển tất yếu. Dự thảo đã xác định điều kiện thành lập thư viện số (*Điều 9*) và các quy định về xây dựng thư viện số và dịch vụ thư viện số (*Điều 25*) nhằm phát huy giá trị vốn tài liệu, tăng cường liên thông.

- Điều kiện thành lập thư viện được quy định rõ ràng, cụ thể¹² tránh việc thành lập thư viện tràn lan, thành lập xong không có khả năng duy trì được hoạt động (*Điều 9*). Bên cạnh đó, Dự thảo lược bỏ điều kiện về “có nguồn lực tài chính” để tạo điều kiện thông thoáng thu hút các thành phần tham gia xây dựng và phát triển thư viện, điều này cũng phù hợp với thực tiễn hoạt động của các thư viện tư nhân, thư viện cơ sở có phục vụ cộng đồng khi hoạt động, vốn tài liệu của thư viện được xác lập trên cơ sở thiện nguyện, tâm huyết của người thành lập, sự chia sẻ, đóng góp, tài trợ của cộng đồng, xã hội.

- Dự thảo không phân các loại hình thư viện theo chức năng nhiệm vụ thông thường; mạng lưới thư viện được xác định trên cơ sở chủ thể thành lập và đối tượng phục vụ để có chính sách phát triển, biện pháp quản lý phù hợp và từ đó quy định quy trình, thủ tục phù hợp với từng loại thông qua điều kiện hoạt động (*Điều 10*). Việc đăng ký hoạt động thư viện được áp dụng đối với thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng với thủ tục hành chính đơn giản, thuận tiện; việc cấp giấy đăng ký được giao cho một cơ quan duy nhất: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại địa phương nơi có trụ sở thư viện (*Điều 11*). Việc thông báo hoạt động thư viện được áp dụng đối với tất cả các thư viện (trừ Thư viện Quốc gia Việt Nam, thư viện thuộc lực lượng vũ trang, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng) (*Điều 12*).

- Dự thảo bổ sung quy định về đánh giá hiệu quả hoạt động của thư viện để làm cơ sở đầu tư, hỗ trợ kinh phí và hoàn thiện các dịch vụ thư viện (*Điều 14*).

- Dự thảo đổi mới quy định về phân hạng và đánh giá tác động của thư viện góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động của thư viện, từ đó làm căn cứ để Nhà nước, bộ, ngành, chính quyền địa phương xem xét có định hướng phát triển và có chính sách đầu tư ngân sách, nhân lực có trọng tâm, trọng điểm. Phân hạng thư viện được áp dụng đối với thư viện công lập có tư cách pháp nhân, trên cơ sở tiêu chí luật định về chỉ số hoạt động thư viện (*Điều 16*) sẽ đảm bảo tính khách quan, khoa học, minh bạch. Phương thức xếp hạng được đổi mới góp phần kiện toàn và tăng cường công tác quản lý đối với thư viện, nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động của thư viện.

¹² Bổ sung điều kiện “phải có đối tượng phục vụ, chương trình, mục tiêu hoạt động cụ thể” (điểm a khoản 1 Điều 9), điều kiện của người đứng đầu thư viện công lập và người đứng tên đăng ký hoạt động thư viện (khoản 2, 3 Điều 9).

- Dự thảo bổ sung quy định về các trường hợp, trình tự thủ tục đình chỉ hoạt động thư viện có thời hạn, thu hồi (*Điều 17*), cấp lại (*Điều 18*), cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của thư viện (*Điều 19*).

c) Về hoạt động thư viện (Chương III)

Dự thảo bổ sung 01 chương mới với 13 điều, quy định về hoạt động của thư viện. Các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ chính được chỉ rõ với những quy định, quy trình trong hoạt động thư viện vừa đảm bảo việc xây dựng, tổ chức, bảo quản vốn tài liệu phục vụ người đọc đạt hiệu quả cao, vừa đảm bảo những quy chuẩn chung, thống nhất cho toàn mạng lưới thư viện, tạo tiền đề thống nhất trong triển khai liên thông thư viện. Các yếu tố này cũng là nền tảng để xây dựng thư viện hiện đại, để các thư viện có thể chủ động tham gia CMCN 4.0.

d) Về quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động thư viện (Chương IV)

Dự thảo quy định các quyền và trách nhiệm chính của thư viện làm cơ sở để xây dựng chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình thư viện. Chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của thư viện được điều chỉnh mở rộng nhằm tăng cường năng lực, tiến tới đổi mới cơ chế để hoạt động của thư viện đảm bảo tính chủ động, sáng tạo, tự chủ đáp ứng được yêu cầu thực hiện, hội nhập quốc tế, định hướng hoạt động thư viện khi thông tin trở thành hàng hóa đặc biệt. Dự thảo đề cao trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý, xây dựng, phát triển nguồn vốn tài liệu và tiện ích cho thư viện.

đ) Về quản lý nhà nước về thư viện (Chương V)

Thư viện là thiết chế trực thuộc nhiều, bộ, ngành, địa phương. Thư viện có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau với nhiều ngành khác như giáo dục đào tạo, công an, quốc phòng, tài chính... Thư viện chỉ thực sự phát triển khi có sự tham gia, phối hợp, hỗ trợ của các bộ, ngành liên quan và sự quan tâm, ủng hộ của chính quyền các cấp. Dự thảo bổ sung Chương quy định về quản lý nhà nước về thư viện trong đó quy định cụ thể trách nhiệm của Chính phủ (*Điều 44*) và Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch - cơ quan chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về thư viện (*Điều 45*).

V. VẤN ĐỀ CÒN Ý KIẾN KHÁC NHAU CẦN XIN Ý KIẾN

Tổ chức, cá nhân nước ngoài thành lập thư viện hoặc tham gia cung cấp các dịch vụ thông tin thư viện có phục vụ người Việt Nam

Phương án 1: Không quy định việc đăng ký hoạt động thư viện đối với thư viện có yếu tố nước ngoài. Thư viện là một thiết chế văn hóa, nên thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập, hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam. Sau khi thành lập, phải gửi thông báo về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở thư viện (*tại điểm b khoản 3 Điều 12 Dự thảo*).

Phương án 2: Chia 02 nhóm:

+ Thư viện được thành lập theo điều ước quốc tế hoặc hiệp định mà Việt Nam tham gia, ký kết thành lập theo văn bản đã ký kết và thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có trụ sở thư viện;

+ Tổ chức nước ngoài thành lập thư viện theo quy định của pháp luật Việt Nam phải làm thủ tục đăng ký hoạt động theo quy định tại Luật Thư viện. *(như đề xuất trong mục 3.2 Chính sách 1 của Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự án Luật Thư viện).*

Trên đây là Tờ trình dự án Luật Thư viện, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo và kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Hồ sơ kèm theo: (1) Dự thảo Luật Thư viện, (2) Báo cáo số /BC-BTP ngày... tháng... năm 2018 về thẩm định Hồ sơ dự án Luật Thư viện của Bộ Tư pháp; Báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, (3) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự án Luật Thư viện, (4) Báo cáo về lồng ghép bình đẳng giới trong dự án Luật Thư viện, (5) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý....)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ *(để báo cáo)*;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ *(để báo cáo)*;
- Ủy ban Pháp luật, UB VHGDĐTNNĐ của QH, Hội đồng Dân tộc, Văn phòng QH *(để phối hợp)*;
- Văn phòng Chính phủ *(để phối hợp)*;
- Bộ Tư pháp *(để phối hợp)*;
- Lưu: VT, VTV, QD.(20)

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Thiện